

Bản án số: 273/2026/HS-PT
Ngày 14-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Thanh Phụng.

Ông Nguyễn Văn Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026 tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 249/2026/TLPT-HS ngày 29 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo Đỗ Quang T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2026/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Quang T sinh ngày 01 tháng 5 năm 1988 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Tổ G, ấp C, xã X, thành phố Đ; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn B và bà Lê Thị N; có vợ là bà Đỗ Thị Ngọc T1, có 02 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không; được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Đỗ Thái T2 sinh ngày 24 tháng 10 năm 1978 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Tổ G, ấp C, xã X, thành phố Đ; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn B và bà Lê Thị N; có vợ là bà Nguyễn Thị Phương T3 (đã ly hôn), có 03 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không; được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

3. Đỗ Thị Thúy H sinh ngày 19 tháng 02 năm 1980 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Tổ G, ấp C, xã X, thành phố Đ; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa

(học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn B và bà Lê Thị N; có chồng là ông Lê Minh H1, có 02 con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: không; được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Đỗ Quang T, Đỗ Thái T2, Đỗ Thị Thúy H:*

Ông Trần Hữu T4 và ông Đoàn Anh T5 là Luật sư thuộc Công ty L1 - Đoàn Luật sư Thành phố H.

Ngoài ra, còn 02 bị hại, 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo và 05 người làm chứng không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 22 tháng 3 năm 2025, gia đình của bà Vũ Thị Thu L (gồm bà L, ông Trần Tôn Thái C, anh Vũ Hoàng P và bà Vũ Xuân A) và gia đình các bị cáo Đỗ Quang T và Đỗ Thị Thúy H dẫn con, cháu đến khu vui chơi Kitty thuộc ấp C, xã X, thành phố Đ để các bé chơi trò chơi thiếu nhi. Trong quá trình vui chơi, giữa con và cháu thuộc gia đình bà L và gia đình bị cáo T có xảy ra xô xát với nhau nên gia đình bà L và gia đình bị cáo T nói chuyện nhưng do bất đồng quan điểm nên bị cáo H và bà Xuân A cãi nhau và xô xát nhẹ tại khu vui chơi.

Bị cáo T dùng điện thoại gọi anh ruột là bị cáo Đỗ Thái T2 đến để giải quyết vụ việc (khi bị cáo T2 đi đến khu vui chơi Kitty thì có con gái ruột là Đỗ Nguyễn Thủy T6 và cháu gái là Lê Đỗ Hồng H2 đi theo) rồi điều khiển xe ô tô đi về nhà lấy 01 thanh kim loại hình oval được sơn màu trắng đục (kích thước: dài 66,5cm x rộng 1,5cm x cao 0,8cm) mang đến khu vui chơi nhằm mục đích đánh nhau với anh P. Khi quay lại khu vui chơi, bị cáo T lấy từ trong xe ô tô thanh kim loại, cầm trên tay và tiến về phía anh P nên anh P đã cầm 02 tay 02 cái ghế nhựa màu đỏ tại khu vui chơi. Ông Đỗ Thế V (là anh ruột T, cũng đưa con đến khu vui chơi) đã giật thanh kim loại và không cho bị cáo T sử dụng hung khí đánh anh P. Bị cáo T2 đi từ phía sau dùng tay đánh vào đầu anh P. Bị cáo H dùng ghế nhựa lấy tại khu vui chơi đánh anh P. Bà Xuân A cùng với bà L, ông C đã vào can ngăn nhưng các bị cáo T2 và H vẫn tiếp tục dùng ghế nhựa đánh anh P, còn bị cáo T dùng chân đạp anh P. Khi anh P đánh trả lại thì ông V đã sử dụng thanh kim loại lấy từ tay bị cáo T đánh vào lưng anh P. Sau khi đạp anh P thì bị cáo T nhặt 01 cục đá (dạng đá tổ ong, không rõ hình dạng, kích thước: 11cm x 07cm x 06,5cm, nặng 795g) tại khu vực khu vui chơi rồi dùng cục đá này đánh vào trán và mũi của anh P. Khi bị các bị cáo T2, T và H tấn công thì anh P đã đánh trả và dùng tay đánh bị cáo T2. Khi cha ruột của chị T6 là bị cáo T2 cùng cô, chú của chị T6 đánh anh P và bị cáo T2 bị anh P đánh trả

thì chị T6 dùng tay đánh 01 cái vào vùng lưng của anh P. Bà Xuân A kéo chị T6 ra một đoạn rồi nắm, giật tóc chị T6 rồi hai người nắm, giật tóc nhau. Chị T6 và bà Xuân A giằng co nhau thì bà L can ngăn nhưng bị chị T6 nắm tóc (lúc này, T6 đứng giữa bà Xuân A và bà L) rồi cả ba người giằng co và nắm tóc nhau. Trong lúc bị cáo T2 dùng ghế nhựa đuổi đánh anh P thì đánh trúng một cái vào đầu bà L khiến L ngã xuống. Chị H2 đứng gần đó dùng tay nắm, giật tóc và kéo bà Xuân A ra. Khi bà L ngã xuống đất và trên mặt bị chảy máu, nhiều người hô hoán nên tất cả dừng lại. Bà L và anh P được người nhà đưa đi cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 0360.02/KLTTCT-TTPYĐN ngày 24 tháng 4 năm 2025, Trung tâm Pháp y tỉnh Đ kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Vũ Hoàng P: Tại thời điểm giám định là 12%. Vật gây thương tích: Vật gây thương tích vùng cung mày trái: vật sắc hoặc vật tày hoặc vật tày có cạnh; Chấn thương đầu mặt, tay trái, vai trái: vật tày hoặc vật tày có cạnh.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 0359.02/KLTTCT-TTPYĐN ngày 26 tháng 4 năm 2025, Trung tâm Pháp y tỉnh Đ kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Vũ Thị Thu L sinh năm: 1992 tại thời điểm giám định là 02%. Vật gây thương tích: vật tày hoặc vật tày có cạnh.

Tại bản Kết luận giám định bổ sung số 0498.02/KLTTCT-TTPYĐN ngày 27 tháng 5 năm 2025, Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận đối với bà Vũ Thị Thu L: Chấn động não điều trị ổn định. Tỷ lệ 03%. Tổng tỷ lệ thương tật tại thời điểm giám định bổ sung là 05%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2026/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Quang T, Đỗ Thái T2, Đỗ Thị Thúy H phạm tội “Cố ý gây thương tích”

- Áp dụng điểm a, c, i khoản 1, điểm đ, khoản 2, Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025):

Xử phạt bị cáo Đỗ Thái T2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào cơ sở giam giữ để thi hành án.

- Áp dụng điểm a, i khoản 1, điểm đ, khoản 2, Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025):

Xử phạt bị cáo Đỗ Quang T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào cơ sở giam giữ để thi hành án.

- Áp dụng điểm a, i khoản 1, điểm đ, khoản 2, Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025):

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thúy H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày

vào cơ sở giam giữ để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, các bị cáo Đỗ Quang T, Đỗ Thái T2 và Đỗ Thị Thúy H kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng chỉ vì mâu thuẫn không đáng kể mà dùng hung khí nguy hiểm đánh bị hại thể hiện sự coi thường pháp luật, do đó cần có mức án nghiêm khắc nhằm răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tuyên bị cáo Đỗ Thái T2 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Đỗ Quang T 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Đỗ Thị Thúy H 02 năm tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hoàn cảnh của các bị cáo nên Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bị cáo T tự bào chữa:

Do anh P xúc phạm, thách thức bị cáo nên bị cáo mới gọi anh của bị cáo tới. Bị cáo thấy rất hối hận chỉ vì bị kích động nên bị cáo mới có hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác, gây mất trật tự xã hội và kéo theo anh của bị cáo bị ảnh hưởng cùng.

Bị cáo Thanh tự bào chữa:

Chỉ vì tức giận khi có người định đánh em của bị cáo nên bị cáo đã có hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác. Bị cáo hối cải, đang phải nuôi 03 con nhỏ nên mong Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo H tự bào chữa:

Bị cáo biết lỗi và rất ăn năn về hành vi của bị cáo, kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo còn chăm sóc mẹ già, con nhỏ.

Người bào chữa cho các bị cáo T, T2 và H phát biểu:

Theo lời khai thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án người bào chữa không có ý kiến gì về tội danh của các bị cáo. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét một số vấn đề sau đây:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là bộc phát, trong vụ án này là lỗi hỗn

hợp của các bên; hành vi phạm tội không gây thiệt hại về vật chất, gây ảnh hưởng xã hội không lớn.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo có tính chất côn đồ là chưa khách quan bởi vì việc hai bên đánh nhau chỉ mang tính chất bộc phát, tức thời, không có sự bàn bạc trao đổi từ trước, sự việc chỉ diễn ra trong thời gian ngắn. Trước khi các bị cáo đánh anh P, quá trình giải quyết vụ án thì bị cáo T trình bày là do có lời lẽ thách thức đánh nhau từ phía bị hại nên các bị cáo nóng giận nhất thời mới dẫn đến xô xát.

Các bị cáo được cơ quan tiến hành tố tụng xác định có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, phạm tội lần đầu, nhận thức pháp luật hạn chế, trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội, không có tiền án, tiền sự, chấp hành tốt mọi chính sách pháp luật của Nhà nước tại địa phương nơi sinh sống, rất tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng giúp cho việc điều tra, truy tố và xét xử được nhanh chóng thuận lợi, là lao động chính kiếm tiền trang trải chi phí sinh hoạt cho cả gia đình. Việc cách ly các bị cáo khỏi xã hội sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống kinh tế, sức khỏe và sự ổn định của gia đình các bị cáo; không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đối với bị cáo T2 thì quá trình các bên xô xát bị cáo không có đánh bà L, tại đoạn phim ghi lại sự việc cũng có thể hiện bà L khi nắm tóc xô xát dẫn đến bà L ngã. Do đó, việc áp dụng điểm c khoản 1 Điều 134 là không có căn cứ.

Từ những trình bày nêu trên, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Đỗ Thái T2, Đỗ Quang T, Đỗ Thị Thúy H và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận:

Luật sư cho rằng không có tính chất côn đồ là không đúng. Theo video ghi lại thì hành vi của các bị cáo có tính chất côn đồ. Vì vậy, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm.

Các bị cáo T, T2 và H không tranh luận thêm.

Người bào chữa cho các bị cáo T, T2 và H không tranh luận thêm.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối cải, kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo T2 nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận, kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo còn nuôi 03 con nhỏ.

Bị cáo H nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối cải, kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo còn mẹ già, con nhỏ ở nhà phải chăm sóc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo làm trong thời gian luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm thay cụm từ “tỉnh Đồng Nai” bằng cụm “thành phố Đồng Nai” theo Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc Hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm thay cụm từ “xã” bằng cụm “phường” đối với các địa danh cấp xã được thay đổi thành phường.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T2 và người bào chữa cho bị cáo T2 đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập ông Nguyễn Hồng P1, chủ khu vui chơi Kitty để làm rõ bị cáo T2 có đánh bà L hay không. Trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của ông Nguyễn Hồng P1 và lời khai của bị cáo T2 về nội dung này nên việc vắng mặt ông P1 không ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị cáo T2, của người bào chữa cho bị cáo T2 và đại diện Viện kiểm sát về việc hoãn phiên tòa để triệu tập ông P1.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T2 và người bào chữa cho bị cáo T2 trình bày là bị cáo T2 không đánh bà L. Trong các lần bị cáo Thanh tự viết, tự ký vào bản tự khai (hai bản tự khai bút lục số 210 và bút lục số 211 của bị cáo T2 trong các ngày khác nhau) bị cáo T2 thừa nhận bị cáo T2 đã đánh trúng đầu bà L làm bà L chảy máu và ngã xuống. Mặt khác, lời khai của ông Nguyễn Hồng P1 không thể hiện ông biết được ai là người đánh trúng bà L, tại sao bà L bị chảy máu ở đầu và ngã xuống (các bút lục 318 đến 322). Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định bị cáo T2 có đánh bà L như kết quả điều tra và Tòa án cấp sơ thẩm đã khẳng định. Việc bị cáo T2 không đồng ý kết quả điều tra sau khi đã thừa nhận hành vi và kết quả điều tra, chỉ thay đổi lời khai tại Tòa án cấp phúc thẩm là mức độ thành khẩn khai báo không như tại Tòa án cấp sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời thừa nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo và lời khai của người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 22 tháng 3 năm 2025, tại khu vui chơi Kitty thuộc ấp C, xã X, thành phố Đ, các bị cáo T, T2 và H đã có hành vi sử dụng cục đá, ghế nhựa và tay

chân đánh vào vùng đầu, mặt của anh P gây tổn thương cơ thể anh P với tỷ lệ 12% (Ngoài ra, bị cáo T2 còn dùng ghế nhựa đánh bà L gây thương tích với tỷ lệ 05% khi bà L mang thai 8 tháng). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo T, T2 và H phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại các điểm a, i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (riêng bị cáo T2 được xác định phạm thêm điểm c khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự) là đúng.

[7] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm sức khỏe của bị hại, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội nên cần phải nghiêm trị nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[8] Hành vi của các bị cáo là côn đồ được thể hiện ở rất nhiều tình tiết mà Tòa án cấp sơ thẩm cùng các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm khác đã xác định. Đặc biệt là xuất phát từ những mâu thuẫn rất nhỏ nhặt, đơn giản của trẻ em (các em đánh nhau nhưng không gây thương tích, gây ảnh hưởng là đỏ mặt, khóc) bị cáo H đã phát cuộc tấn công phụ huynh phía đối phương, là nguyên nhân xảy ra vụ án. Hành vi đặc biệt của bị cáo T thể hiện ở chỗ bị cáo T là người lớn không giải quyết được vấn đề bằng cách hòa giải mà gọi người khác đến cứu viện (gọi anh ruột đến), về lấy hung khí để giải quyết mâu thuẫn. Bị cáo T2 đến để tấn công, trong lúc tấn công thì đi vòng phía sau rình tấn công bị hại khi bị hại không đề phòng. Trong cuộc xô xát, cả ba bị cáo H, T2 và T tấn công đối phương như trong cuộc chiến với kẻ thù. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo cho rằng hành vi của các bị cáo không có tính chất côn đồ.

[9] Hành vi các bị cáo H, T2 và T đã gây thiệt hại cho anh P và hành vi của bị cáo T2 đã gây thiệt hại cho bà L là những thiệt hại hữu hình. Thiệt hại vô hình là sự ảnh hưởng đến trật tự công cộng, an ninh trật tự địa phương mà đặc biệt là gây ảnh hưởng cực kỳ xấu đến các con cháu của gia đình, họ hàng hai phía, những người trẻ tuổi, những người chưa thành niên tham gia vào cuộc hỗn chiến (nắm tóc, kéo, giật, đánh nhau), tạo thói quen giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực (Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã phân hóa một cách rất nhân đạo để tách việc xử lý hành vi của những người trẻ tuổi ấy ra khỏi việc khởi tố, truy tố). Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo cho rằng hành vi của các bị cáo không gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn.

[10] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, không có tiền án, không có tiền sự, đã bồi thường, khắc phục hậu quả 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng, được bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Riêng bị cáo T2 có Giấy xác nhận đang nuôi con nhỏ còn bị cáo T có nhiều đóng góp cho cơ sở tình thương. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng.

[11] Lỗi của bị hại trong việc cùng các bị cáo để mâu thuẫn nhỏ chuyển biến thành xô xát là một tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo.

[12] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng không trình bày được tình tiết giảm nhẹ mới. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về hoàn cảnh, nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đánh giá tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt Đỗ Thái T2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Đỗ Quang T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù và bị cáo Đỗ Thị Thúy H 02 (hai) năm tù là thỏa đáng, không nặng, không nhẹ. Nếu áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ về lỗi của bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể giảm hình phạt cho các bị cáo.

[13] Các bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng hành vi của các bị cáo còn đồ nên các bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[14] Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

[15] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Quan điểm của những người bào chữa cho các bị cáo phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo nên được chấp nhận một phần, không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử về việc giảm hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo hưởng án treo nên không được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344; Điều 345; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Quang T, Đỗ Thái T2 và Đỗ Thị Thúy H, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2026/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai đối với các bị cáo Đỗ Quang T, Đỗ Thái T2 và Đỗ Thị Thúy H về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Quang T, Đỗ Thái T2 và Đỗ Thị Thúy H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Quang T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

Áp dụng các điểm a, c, i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thái T2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thúy H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

Các bị cáo Đỗ Quang T, Đỗ Thái T2 và Đỗ Thị Thúy H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ – Công an thành phố Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai (2);
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Đồng Nai;
- Người tham gia tố tụng (5);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án. ĐTHL. (19).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng An Thanh